

VAI TRÒ CỦA HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

PGS, TS HỒ XUÂN QUANG

TS NGUYỄN ĐOÀN THUẬN

Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận:

14-4-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

22-4-2025

Ngày duyệt đăng:

8-5-2025

Tóm tắt: Ngày 7-5-1955, Bộ Quốc phòng ra Nghị định thành lập Cục Phòng thủ bờ biển - tiền thân của Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam¹. Đến năm 1964, Hải quân nhân dân Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, góp phần tăng cường sức mạnh phòng thủ miền Bắc, làm thất bại âm mưu đánh phá và hoạt động phong tỏa của đế quốc Mỹ, đồng thời tạo cơ sở vững chắc cho việc tổ chức tuyến vận tải chiến lược trên biển chi viện cho chiến trường miền Nam đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, Hải quân nhân dân Việt Nam đã trực tiếp tham gia giải phóng quần đảo Trường Sa và các đảo ven bờ, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Từ khóa:

Hải quân nhân dân Việt Nam; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

1. Phối hợp với các lực lượng đánh thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ trên chiến trường sông, biển miền Bắc

Trên cơ sở sự ra đời và phát triển của Cục Phòng thủ bờ biển, đến năm 1964, lực lượng Hải quân trở thành một Quân chủng chiến đấu nòng cốt, góp phần tăng cường sức mạnh phòng thủ ven biển miền Bắc sẵn sàng cùng với các lực lượng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Từ đầu năm 1964, Johnson phê chuẩn kế hoạch dùng tàu khu trục tuần tiễu ở Vịnh Bắc Bộ

yểm trợ cho các tàu biệt kích thu thập thông tin về các trạm radar và các trận địa phòng không bờ biển, chuẩn bị thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc Việt Nam. Trước tình hình đó, ngày 6-7-1964, Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân quyết định thành lập Sở Chỉ huy tiền phương ở sông Gianh (Quảng Bình) và điều động một số tàu hải quân ở phía Bắc tăng cường vào vùng biển Quân khu 4; Các tàu phóng lôi 333, 336, 339 và các tàu 130, 132, 145 được củng cố và bố trí chiến đấu tại ven biển Lạch Trường (Thanh Hóa).



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các chiến sĩ Hải quân, ngày 31-3-1959 (Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh)

Sau khi dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” vụ không Hải quân nhân dân Việt Nam tấn công tàu chiến Mỹ ở vùng biển quốc tế, ngày 5-8-1964, không quân Mỹ tiến hành cuộc tập kích vào các căn cứ của Hải quân từ sông Gianh, Cửa Hội, Lạch Trường đến Bãi Cháy - Hòn Gai. Trong cuộc chiến đấu, lực lượng tàu chiến của Hải quân nhân dân Việt Nam đã tổ chức hiệp đồng, phối hợp chặt chẽ với lực lượng pháo cao xạ, công an vũ trang, dân quân tự vệ và nhân dân ven biển các tỉnh Quân khu 3, Quân khu 4 chiến đấu kiên cường bắn rơi 12 máy bay Mỹ, bảo vệ các mục tiêu ven biển, góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang đầu tiên của Hải quân nhân dân Việt Nam trên chiến trường ven biển miền Bắc.

Sau khi giành thắng lợi trong trận đầu ra quân, từ năm 1965 đến năm 1968, Quân chủng Hải quân tiếp tục củng cố và phát triển, tích cực phối hợp với các lực lượng không quân, pháo binh, công an vũ trang, dân quân tự vệ chiến đấu liên tiếp đánh bại các chiến dịch “Mũi lao lửa”, “Sấm rền”, chiến dịch “Rồng biển” của không quân và hải quân Mỹ trên chiến trường sông, biển miền Bắc. Theo thống kê của phía Mỹ, năm 1967, số máy bay Mỹ bị bắn nhiều hơn so với năm 1966 là 362 chiếc. Trong đó, không quân bị bắn rơi 208 chiếc, không quân hải quân bị bắn rơi 142 chiếc và thủy quân lục chiến bị mất 12 chiếc².

Tính chung từ năm 1964-1968, Hải quân nhân dân Việt Nam đã đánh 1.016 trận, góp phần cùng

với quân và dân miền Bắc bắn rơi 3.243 máy bay Mỹ, bắn chìm và bắn cháy 143 tàu chiến và tàu biệt kích địch³. Thắng lợi này đã góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo miền Bắc, bảo đảm hoạt động lưu thông trên tuyến vận tải trên biển, đánh bại hoàn toàn âm mưu chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Thực hiện chiến tranh phá hoại lần thứ 2 đối với miền Bắc Việt Nam, từ ngày 6-4-1972, máy bay và tàu chiến Mỹ đánh phá liên tục các tỉnh ven biển Quân khu 4. Lực lượng hải quân đã phối hợp chặt chẽ với không quân, pháo binh đánh trả các đợt tiến công của không quân và hải quân Mỹ. Đặc biệt, ngày 9-4-1972, Đại đội 10 pháo binh Vĩnh Linh phối hợp với lực lượng radar Hải quân bắn cháy 2 tàu khu trục Mỹ. Đến cuối tháng 4-1972, Trạm radar 535, 540 dẫn đường cho tốp máy bay chiến đấu của Quân chủng Phòng không - Không quân đánh thiệt hại nặng 1 tàu khu trục, buộc những chiếc khác phải rút khỏi vùng biển Quảng Bình.

Ngày 16-4-1972, lực lượng Hải quân đã phối hợp với lực lượng phòng không trên địa bàn thành phố Hải Phòng chiến đấu bắn rơi 10 máy bay Mỹ, trong đó có máy bay B52. Đây là địa phương ven biển mở đầu chiến thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên địa bàn Quân khu Tả Ngạn⁴. Ngày 28-7-1972, Trạm radar 500 (Đồ Sơn) đã phát hiện một tốp tàu tuần dương và tàu khu trục Mỹ xâm phạm vùng biển miền Bắc; Lực lượng pháo bờ biển thuộc Trung đoàn 178 bắn hỏng 2 tàu địch. Đến đêm ngày 27-8-1972, hải quân Mỹ cho tàu tuần dương và khu trục bắn phá trở lại đảo Cát Bà, bán đảo Đồ Sơn; các trận địa pháo binh ở Cát Bà, Đồ Sơn, Tiên Lãng (Hải Phòng) phối hợp với các lực lượng hải quân đánh trả quyết liệt, bắn cháy 3 tàu địch, trong đó có 1 tàu tuần dương⁵.

Trong cuối tháng 12-1972, Quân chủng Hải quân hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng pháo binh, công an vũ trang, cao xạ địa phương đánh bại cuộc “hành quân phối hợp” của hơn 60 chiến hạm thuộc hạm đội 7 dọc bờ biển miền Bắc, bắn cháy 9 hạm tàu⁶. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ ngày 6-4-1972 đến ngày 15-1-1973), Hải quân nhân dân Việt Nam cùng với quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 735 máy bay Mỹ, trong đó có 61 B52, 10 F111. Ngày 15-1-1973, Tổng thống Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động quân sự tiến công bao gồm ném bom, bắn trọng pháo, thả mìn ở miền Bắc.

Tính chung từ năm 1964 đến năm 1973, trên chiến trường ven biển miền Bắc, Hải quân nhân dân Việt Nam đã đánh chìm 353 tàu xuồng các loại của đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn, trong đó có chiến tàu chở dầu trọng tải 15.000 tấn. Đánh bị thương 45 chiếc khác, trong đó có các tàu tuần dương, khu trục hiện đại của hải quân Mỹ; bắn cháy 118 máy bay Mỹ⁷. Với những thành tích đó, Hải quân nhân dân Việt Nam đã góp phần to lớn đánh thắng hai lần chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ và xây dựng miền Bắc XHCN.

2. Lực lượng nòng cốt tham gia chống phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường của đế quốc Mỹ, góp phần duy trì các hoạt động giao thông vận tải ven biển

Xác định nhiệm vụ chống phong tỏa là nội dung quan trọng trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương chủ trương huy động mọi lực lượng, phương tiện, khí tài để chiến đấu chống phong tỏa trên chiến trường sông, biển miền Bắc. Quân chủng Hải quân được giao nhiệm vụ hiệp đồng với các lực lượng thực hiện rà phá thủy

lôi: “Hải quân tổ chức một đội chuyên môn làm nhiệm vụ xung kích trực vớt, phá gỡ thủy lôi ở những hướng quan trọng; đồng thời làm nòng cốt hướng dẫn giúp đỡ kỹ thuật lặn, phá gỡ thủy lôi cho các lực lượng quân binh chủng khác và lực lượng dự bị, các lực lượng vũ trang và lực lượng kinh tế khác cùng tham gia làm nhiệm vụ phá gỡ thủy lôi”⁸.

Thực hiện nhiệm vụ, ngày 2-7-1966, Bộ Tư lệnh Hải quân thành lập Sở Chỉ huy, Ban Chỉ đạo chống phong tỏa và thành lập Đội 8 công binh làm nòng cốt hướng dẫn trực vớt, tháo gỡ thủy lôi cho các lực lượng khác trong và ngoài quân đội⁹. Trong những năm 1967-1968, lực lượng hải quân phối hợp với lực lượng tự vệ biển tổ chức rà phá thủy lôi, bom mìn ở cảng Hải Phòng và các khu vực trọng điểm giao thông ven biển miền Bắc¹⁰. Nhờ vậy, đến tháng 3-1968, cả 3 vòng vây phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường của địch lập ra để phong tỏa toàn diện, cô lập Hải Phòng đều được giải tỏa; các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt hoạt động trở lại, hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân ở ven biển từng bước được khôi phục bình thường. Trong 4 năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và phong tỏa của đế quốc Mỹ (1964-1968), Hải quân nhân dân Việt Nam đã phát huy vai trò nòng cốt, phối hợp, hiệp đồng với các bộ, ban ngành và các địa phương, đơn vị tổ chức chống địch phong tỏa phá gỡ 8.851 quả thủy lôi, bom từ trường các loại, làm thất bại âm mưu phong tỏa và cô lập miền Bắc của đế quốc Mỹ¹¹.

Trước âm mưu và hoạt động chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ, thực hiện chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh Hải quân giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 171 làm nòng cốt, chủ trì thực hiện nhiệm vụ rà phá thủy lôi ở khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh;

phối hợp với các đơn vị ở K2 (Thanh Hóa), K3 (Cửa Hội), K4 (Sông Gianh), K5 (Cửa Việt) và các đơn vị 170, 172, 125, 128, Đội 8 Công binh Hải quân sẵn sàng chống phong tỏa theo kế hoạch. Ở ven biển Quân khu 4, sau khi đế quốc Mỹ đồng loạt thả thủy lôi và bom từ trường phong tỏa toàn diện ven biển miền Bắc, khu vực từ Cửa Hội đến Cửa Tùng, các đơn vị Hải quân (K3 - Cửa Hội và K4 - cảng Gianh) đã phát hiện kịp thời vị trí bom từ trường, dùng các loại phương tiện thô sơ, kết hợp sử dụng thiết bị phóng từ nhẹ (480 và 311A) phá nổ nhiều quả, mở thông luồng từ cảng Gianh đến khu vực chuyên tải Hòn La. Kinh nghiệm đó nhanh chóng được phổ biến rộng rãi cho tất cả các lực lượng công binh nhân dân trên các trọng điểm giao thông vận tải ven biển miền Bắc. Ở ven biển Quân khu Tả Ngạn, ngày 10-5-1972, một ngày sau khi đế quốc Mỹ mở chiến dịch phong tỏa các cảng biển, cửa sông, các luồng lạch, đường sông, Bộ Tư lệnh Hải quân đã điều phương tiện, lực lượng theo hướng dẫn của nhân dân và công an vũ trang ở địa phương đến khu vực tây bắc Đền Nôm (lối vào cảng Hải Phòng) để rà tìm và tháo gỡ thủy lôi¹². Từ ngày 16-5 đến ngày 31-5-1972, quân khu Tả Ngạn cùng với lực lượng hải quân đã rà phá 13 quả bom (hầu hết là loại MK42, có đầu nổ Model 2 và 3).

Được sự hỗ trợ của hải quân và lực lượng công binh Quân khu, các địa phương ven biển Quân khu 4 đã hình thành một hệ thống lực lượng công binh - dân quân rộng khắp gồm tổ chức quan sát đánh dấu, trinh sát phát hiện, tổ chức rà phá, tháo gỡ làm mất hiệu lực bom, mìn. Tính chung từ tháng 5 đến tháng 7-1972, tỉnh Nghệ An phá được 1.911 quả, Hà Tĩnh phá 481 quả, Quảng Bình 187 quả, Vĩnh Linh 55 quả. Bằng kết quả đó, quân và dân Quân Khu 4 đã

góp phần vô hiệu hóa về cơ bản thủ đoạn phong tỏa miền Bắc của đế quốc Mỹ, góp phần đảm bảo giao thông vận tải được thông suốt, khối lượng hàng hóa vận chuyển qua Quân khu vào hành lang được kịp thời¹³.

Từ tháng 7-1972, cuộc chiến đấu chống phong tỏa được triển khai rộng khắp trên toàn vùng biển miền Bắc. Các Trung đoàn 172, 128 và trường Hải quân phụ trách vùng biển Đông Bắc mở luồng vận chuyển từ Hải Phòng đến biên giới phía Bắc và các luồng chính trong từng khu vực Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông. Trung đoàn 171 (Hải quân) phụ trách khu vực trọng điểm Hải Phòng có nhiệm vụ khai thông luồng chính Nam Triệu và các luồng lạch huyện Cát Bà, Cửa Cấm, Đồ Sơn. Tính chung trong tháng 9-1972, các lực lượng hải quân đã huy động 87 lần chiếc tàu làm nhiệm vụ và đã rà phá, tháo gỡ 129 quả thủy lôi với chiều dài 3.731 hải lý. Nhờ vậy, tuyến vận chuyển than và tuyến luồng lạch Hải Phòng, Quảng Ninh được giải phóng, khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng từ 2.600 tấn trong tháng 6-1972 lên 10.000 tấn tháng 9-1972¹⁴. Ngày 4-10-1972 đế quốc Mỹ tiếp tục thả bom từ trường xuống luồng lạch Hải Phòng, Quảng Ninh. Các trung đoàn 171, 172, 128, Trường Hải quân đã huy động 22 tàu thuyền rà phá liên tục trong 21 ngày đêm bảo đảm cho các loại tàu trọng tải 300 tấn trở xuống qua lại an toàn trên tuyến ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng, đồng thời từng bước làm thất bại âm mưu phong tỏa của đế quốc Mỹ.

Phối hợp với cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn vào Hà Nội và Hải Phòng, từ ngày 17-12-1972, đế quốc Mỹ tiếp tục thả hàng loạt thủy lôi, bom từ trường bổ sung xuống cảng Hải Phòng, Cửa Hội, Cửa Gianh nhằm tiếp tục phong tỏa ven biển miền

Bắc. Lực lượng Hải quân đã chủ động trong sử dụng các phương tiện, thiết bị phóng từ rà quét thủy lôi, bom từ trường của địch bảo đảm giao thông vận tải, tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa viện trợ vào chiến trường. Đến ngày 2-1-1973, tuyến vận tải đường biển từ Quảng Ninh đến Hải Phòng được giải tỏa, tuyến vận tải ven biển vào Quân khu 4 cũng từng bước được khai thông.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, phong tỏa miền Bắc lần thứ 2 của đế quốc Mỹ, Hải quân và các lực lượng 3 thứ quân đã phá gỡ tổng cộng 4.495 quả thủy lôi, bom từ trường các loại trong tổng số 17.080 quả do đế quốc Mỹ thả xuống các khu vực để phong tỏa sông, biển miền Bắc¹⁵. Thắng lợi này đã góp phần đánh bại âm mưu đánh phá, phong tỏa và cô lập miền Bắc của đế quốc Mỹ, bảo vệ được hành lang ven biển miền Bắc, tạo cơ sở vững chắc cho tuyến vận tải chiến lược trên biển chi viện vào chiến trường miền Nam. Mc. Namara người đề xướng chủ trương đánh phá, ngăn chặn, cắt đứt nguồn tiếp liệu từ miền Bắc vào miền Nam đã thừa nhận: “Tôi không tin là các cuộc ném bom từ trước đến nay đã làm giảm một cách có ý nghĩa các hoạt động thâm nhập về người và dụng cụ vào miền Nam và tôi cũng không tin là các cuộc ném bom sau này có thể làm giảm được các hoạt động ấy”¹⁶.

3. Tổ chức lực lượng vận tải chiến lược trên biển, chi viện cho cách mạng miền Nam đấu tranh chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ

Trước yêu cầu phát triển của chiến tranh cách mạng miền Nam, ngày 23-10-1961, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập lực lượng vận tải quân sự trên biển mang tên Đoàn 759¹⁷. Để thực hiện nhiệm vụ trên tuyến vận tải chiến

lược “Hồ Chí Minh trên biển” chi viện cho chiến trường miền Nam, Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân đã tập trung lãnh đạo, chuẩn bị phương tiện; chỉ đạo các bộ, chiến sĩ phát huy truyền thống, nêu cao tinh thần “tất cả vì miền Nam ruột thịt” vượt qua các tuyến bao vây, phong tỏa gắt gao của địch để vận chuyển vũ khí vào chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ góp phần cùng với quân và dân miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Với việc mở đường vận chuyển vũ khí cập bến Lộ Diêu (Hoài Nhơn, Bình Định) thành công đã tạo thuận lợi lực lượng vũ trang Khu 5 cùng với quân và dân Bình Định thực hiện trận tiến công vào khu quân sự An Lão, Bình Định (12-1964), giải phóng 1 vùng rộng lớn với 11.000 dân¹⁸; những chuyến tàu không số cập bến Vũng Rô đã kịp thời chi viện vũ khí quân dân Phú Yên đánh bại các cuộc càn quét lớn của địch vào Tuy Hòa; tạo điều kiện cho quân dân tỉnh Khánh Hòa giải phóng 11 xã thuộc hai huyện Diên Khánh và Ninh Hòa; chi viện kịp thời hàng tấn đạn, thuốc nổ, thuốc chữa bệnh cho quân dân Đắc Lắc đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích.

Sau sự kiện Vũng Rô bị bại lộ¹⁹, tàu chiến và máy bay trinh sát của đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn hoạt động giám sát ở ven biển miền Nam nhiều hơn. Tình hình vận chuyển trên biển ngày càng trở nên khó khăn. Trước yêu cầu của các chiến trường, tháng 7-1966, Thường vụ Quân ủy Trung ương Chỉ thị: “trước mắt tìm mọi cách chi viện cho chiến trường Khu 5, Khu 6. Khi có điều kiện sẽ chi viện cho chiến trường Nam Bộ sau”²⁰.

Để chi viện cho quân và dân Khu 5 thực hiện chiến đấu chống chiến lược chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, Thường vụ Đảng ủy

Quân chủng Hải quân chỉ đạo nghiên cứu chiến trường Khu 5, Khu 6, kiện toàn lực lượng hiện có, đóng một số tàu vận tải cỡ nhỏ, tốc độ nhanh. Từ năm 1966, các “chuyến tàu không số” vượt qua khó khăn, chuyển hướng vận chuyển vào các bến Đức Phổ, Sa Kỳ (Quảng Ngãi), Hòn Hèo (Khánh Hòa). Từ năm 1965 đến năm 1968, Đoàn 125 đã tổ chức 28 chuyến, trong đó có 7 chuyến thành công, chở 410 tấn vũ khí cho các chiến trường²¹. Mặc dù có những tổn thất, những chuyến tàu không số cập bến ven biển Khu 5 là nguồn cổ vũ, động viên quân và dân Quảng Ngãi, Khánh Hòa quyết tâm cùng với quân dân miền Nam đánh thắng Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ; để lại những bài học kinh nghiệm quý giá trong công tác vận tải trên biển chi viện cho chiến trường miền Nam tiến tới giải phóng hoàn toàn.

Trong những năm 1969-1972, quá trình vận chuyển vào chiến trường miền Nam gặp nhiều khó khăn, nhiều chuyến phải quay trở lại do địch ngăn cản, đánh phá. Vượt qua thử thách ác liệt, khắc phục mọi khó khăn, Đoàn 125 tìm phương thức vận chuyển mới, tiếp tục trực tiếp đưa vũ khí chiến trường miền Nam Bộ và Nam Trung Bộ góp phần đánh thắng Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ, tạo bước ngoặt cho cuộc kháng chiến. Tính chung từ tháng 4-1962 đến tháng 4-1972, Đoàn 125 đã tổ chức 168 chuyến và vận chuyển vào 19 bến trên địa bàn 9 tỉnh miền Nam. Những kỳ tích này đã góp phần cùng với quân và dân miền Nam đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mỹ và tay sai²². Đồng thời, Đoàn 125 đã vận tải hàng trăm nghìn tấn hàng hóa, vũ khí tạo chân hàng cho tuyến chi viện chiến lược 559 vận chuyển vào chiến trường. Vận chuyển tải bí mật gần 700 tấn hàng hóa vũ khí cho các đoàn tàu của Đoàn 371 (Quân

khu 9) ở trên biển. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, các tàu của Đoàn 125 đã thực hiện vận chuyển quân đội, hàng quân sự vào chiến trường miền Nam dồn sức cùng cả nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước²³.

4. Tham gia giải phóng quần đảo Trường Sa và các đảo ven bờ, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước

Thực hiện kế hoạch giải phóng miền Nam, năm 1974, theo yêu cầu phát triển ở chiến trường, Bộ Tổng tham mưu chỉ thị cho Đoàn 125 vận chuyển vũ khí và bộ đội vào sâu hơn nữa, càng sát nơi ta mở chiến dịch càng tốt. Đến ngày 14-3-1975, Đoàn 125 chở 17.473 cán bộ chiến sĩ vào chiến trường chiến đấu, chở 40 xe tăng và 7.786 tấn vũ khí, nhiên liệu tham gia phục vụ các chiến dịch giải phóng miền Nam²⁴. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, từ ngày 2 đến ngày 4-4-1975, các biên đội tàu tuần tiễu, tên lửa, phóng lôi, rà quét thủy lôi, vận tải của các đơn vị 171, 172, 125 vào Đà Nẵng tiếp tục phối hợp thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, tiếp quản các căn cứ hải quân địch ở Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh.

Để trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo các đơn vị, lực lượng của Quân chủng Hải quân làm nhiệm vụ chiến đấu và tiếp quản và bảo vệ biển, đảo sau giải phóng. Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Hải quân tiền phương tại Đà Nẵng, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng.

Cùng với chủ trương giải phóng Sài Gòn - Gia Định trước mùa mưa, ngày 4-4-1975, Quân ủy Trung ương điện cho Quân khu 5 về giải phóng các đảo: “Thực hiện kịp thời đánh chiếm các đảo

ở vùng đảo Nam Hải, đặc biệt là các đảo Nam Sa (Trường Sa). Việc này phải chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết”²⁵. Đến ngày 5-4-1975, Bộ Tư lệnh Hải quân nhận được chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, khẩn trương chuẩn bị lực lượng để giải phóng quần đảo Trường Sa. Tranh thủ thời cơ, Bộ Tư lệnh quyết định dùng tàu của Đoàn 125 chở bộ đội Hải quân và lực lượng của Quân khu 5 ra giải phóng đảo. Ngày 10-4-1975, các phân đội tàu của Đoàn 125 cấp tốc hành quân từ Hải Phòng vào Đà Nẵng. Từ ngày 14-4 đến ngày 29-4 các lực lượng đã tiến hành giải phóng lần lượt các đảo Song Tử Tây, Sơn ca, Nam Yết, Sinh Tồn và Trường Sa lớn. Đồng thời, Đoàn 125 tham gia giải phóng các đảo ở miền Trung và vùng biển Tây Nam. Ngày 1-5-1975, các tàu của Trung đoàn 171, 172, 125 cùng với lực lượng của Đoàn 126 Đặc công Hải quân phối hợp với lực lượng của Sư đoàn 3 làm nhiệm vụ giải phóng Côn Đảo và đưa các chiến sĩ bị bắt giam cầm, tù đày về đất liền. Tiếp đó, lực lượng Hải quân tiếp tục phối hợp với Đoàn Hải quân Phú Quốc giải phóng các đảo và quần đảo phía Tây Nam, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, khẳng định chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Sự ra đời và quá trình hoạt động của Hải quân nhân dân Việt Nam đã tăng cường sức mạnh phòng thủ miền Bắc Việt Nam, làm thất bại âm mưu đánh phá và phong tỏa, sông biển của đế quốc Mỹ, duy trì và đảm bảo các hoạt động giao thông vận tải ven biển. Ngoài ra, trước nhu cầu đấu tranh cách mạng ở chiến trường miền Nam, Hải quân nhân dân Việt Nam trực tiếp tham gia chiến đấu và lập công xuất sắc trên chiến trường Cửa Việt - Đông Hà; vượt qua mọi hy sinh, gian khổ mở đường vận tải chiến lược “Hồ Chí Minh trên biển”, chi viện kịp thời cho cách mạng miền Nam đánh

bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Đặc biệt, Quân chủng Hải quân tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trực tiếp giải phóng quần đảo Trường Sa và các đảo ven bờ, góp phần vào quá trình giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Sự ra đời và hoạt động của Hải quân nhân dân Việt Nam đã góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm giá trị cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

* Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ do Trường Đại học Quy Nhơn chủ trì. Mã số: B2023-DQN-01

1. Ngày 7-5-1955, Bộ Quốc phòng ra Nghị định thành lập Cục Phòng thủ bờ biển. Ngày 24-1-1959, Cục Phòng thủ bờ biển đổi thành Cục Hải quân. Ngày 3-1-1964, Cục Hải quân đổi tên thành Bộ Tư lệnh Hải quân

2. Chris Hobson: *Vietnam Air Losses - United States Air Force, Navy and Marine Corps Fixed - Wing Aircraft Losses in Southeast Asia 1961-1973*, Midland Publishing, England, 2001, pp.15-16

3. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 565

4, 14. Bộ Tư lệnh Quân khu 3: *Quân khu 3 - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (1954-1975), Nxb QĐND, H, 1995, tr. 234, 248 - 249

5. Bộ Tư lệnh Quân khu 3: *Lịch sử Bộ tham mưu Quân khu 3 (1945-2000)*, Nxb QĐND, H, 2000, tr. 188

6. Nguyễn Thị Huệ Chi: *Hải quân nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ tại vùng sông biển miền Bắc (1964-1973)*, Nxb CTQG, H, 2013, tr. 275

7. *Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, H, 1985, tr. 349

8. Bộ Tư lệnh Hải quân: *Hoạt động của Hải quân nhân dân trong chống đế quốc phong tỏa sông, biển miền Bắc Việt Nam (1967-1968 và 1972-1973)*, Nxb QĐND, H, 2005, tr. 26

9. Đại đội 8 công binh có 5 phân đội hoạt động khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng đến các tỉnh ven biển Quân khu 4

10. Ngày 20-12-1967, ca nô được hạ thủy và phá được 13 quả ở An Dương, 6 quả ở bến phà Khuê, 18 quả ở bến phà Quý Cao, 5 quả ở bến phà Tiên Cựu

11, 15. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tổng kết chiến đấu chống đế quốc Mỹ phong tỏa, sông biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường 1965-1973*, Nxb QĐND, H, 2015, tr. 164, 218

12. Đến ngày 13-5-1972, cán bộ và chiến sĩ Hải quân đã tháo gỡ được quả thủy lôi MK52 đầu tiên. Đây là loại thủy lôi mới, hiện đại và tinh vi, có sức công phá mạnh

13. Bộ Tư lệnh quân khu 4: *Quân khu 4 - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (1954-1975), Nxb QĐND, H, 1994, tr. 378

16. Trần Bưởi (Chủ biên): *Chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ*, Nxb QĐND, H, 1982, T. 1, tr. 125

17. Đến tháng 8-1963, Đoàn 759 chuyển về trực thuộc Quân chủng Hải quân và đến tháng 1-1964 đổi tên là Đoàn 125 Hải quân

18. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Xưởng in Quân khu 5, 1989, tr. 158

19. Ngày 16-2-1965, tàu C143 bị lộ ở Vũng Rô, ta buộc phá hủy tàu và rút về căn cứ

20. Hồ sơ số 90, Phòng Đoàn 125, Lưu trữ văn phòng Bộ Tư lệnh Hải Quân

21, 22, 24. Bộ Giao thông vận tải: *Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, H, 2002, tr. 503, 504, 505

23. *Hải Quân nhân dân Việt Nam tài trí, dũng cảm*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, H, 2015, tr. 27-28

25. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng: *Một số văn kiện chỉ đạo Tổng tiến công và nổi dậy Mùa xuân năm 1975 - Chiến dịch Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, H, 2005, tr. 229.